TÒA ÁN NHÂN DÂN TP ĐÀ NẴNG **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số **354**/2017/QĐST-HNGĐ	*Hải Châu*, ngày 27 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 350/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 giữa những người yêu cầu:

Bà N - sinh năm 1987.

Ông T - sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: đường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55 và 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 17 tháng 11 năm 2017;

XÉT THẤY

- Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 17 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

- Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Bà **N** - sinh năm 1987.

- Ông **T** - sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: đường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà N thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông T và bà N thỏa thuận bà N nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Đức H - sinh ngày 06 tháng 3 năm 2008 và Nguyễn Thanh Linh Đ - sinh ngày 02 tháng 5 năm 2012. Ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000đ/người con chung) cho đến khi các con chung lần lượt đủ tuổi trưởng thành.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án mà ông T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất bằng

50% mức lãi suất giới hạn quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

- Về tài sản chung*:* Ông T và bà N thống nhất không có tài sản chung

- Về nợ chung*:* Ông T và bà N thống nhất không có nợ chung.

- Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông T và bà N phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông bà đã nộp theo biên lai thu số 009905 ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông T và bà N đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSNDQ. Hải Châu.
- CCTHADSQ. Hải Châu
-UBND phường Q;
- Lưu hồ sơ

Hà Thị Thanh Nga